

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT

Ngày: 10- 01-2022

V/v tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố  
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử  
dụng đất và tài sản gắn liền với đất  
vô hiệu”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Đào Chí Keo

Ông Cao Minh Lễ

**- Thư ký phiên toà:** Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Đỗ Phước Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 170/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021; tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền đất vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:100/2021/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021, của Toà án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2021/QĐPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Dương Văn A, sinh năm 1951. (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp HP, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: đường TP, DT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Dương Văn A: ông Phan Hòa Nh, sinh năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2019). (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm ĐT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1957. (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953. (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường HV, k6, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2.3. Ông Nguyễn Thái Thanh Ph, sinh năm 1977. (Vắng mặt).

2.4. Bà Huỳnh Thị Mỹ H2, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: đường NTT, khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Văn phòng công chứng T. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường LTT, k2, thị trấn TTT, huyện TT, tỉnh An Giang.

3.2. Văn phòng công chứng HG. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường LTT, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Dương Văn A là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn A trình bày:* Vào năm 2016 bà Nguyễn Thị Kim H và bà Bùi Thuý H1 có vay của ông A và con ruột của ông A là ông Dương Phước S số tiền 595.000.000 đồng, khi vay bà H có đưa cho ông giữ các bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để làm tin. Sau đó, khoảng tháng 3/2017, bà H nói với ông để lấy hàng từ nhà phân phối thì phải chứng minh là bà H có mặt bằng đứng tên, cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đăng ký kinh doanh và bà H bị bắt xe nên mượn lại các giấy tờ trên trong vòng 01 tuần đến 10 ngày thì sẽ đưa lại cho ông giữ. Tuy nhiên, sau đó bà H hẹn nhiều lần nhưng không đưa lại các loại giấy tờ trên cho ông giữ.

Ngày 02/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý vụ án hợp đồng vay tài sản, ông A và con ông khởi kiện bà H, bà H1 và vụ án này đã được Toà án nhân dân thành phố LX giải quyết bằng Bản án số 45/2018/DS-ST, ngày 22/8/2018, nội dung bản án buộc bà H, bà H1 trả cho ông A và con trai ông tổng số tiền 795.812.500 đồng (*trong đó nợ gốc 595.000.000 đồng, lãi 200.812.500 đồng*). Lúc ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố LX thì không hay biết bà H đã chuyển nhượng nhà đất cho người khác, khi bản án có hiệu lực ông yêu cầu thi hành án và qua kết quả xác minh thì mới biết nhà đất của bà H đã chuyển nhượng cho người khác, không còn tài sản nào khác để thi hành án cho ông. Tại đơn khởi kiện và đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 05/6/2020 ông yêu cầu:

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị B, định đoạt quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup> loại đất

ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05935eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 và nhà trên đất có diện tích sàn 112m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận số 011-18 do UBND thành phố LX cấp ngày 01/9/2009 được công chứng tại Văn phòng công chứng HG ngày 25/10/2017.

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B với Nguyễn Thái Thanh Ph và Huỳnh Thị Mỹ H2 công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 07/11/2018.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 22/3/2021 và tại phiên tòa, ông thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/10/2017 giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị B, đối với quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, thửa đất số 399, tờ bản đồ số 37, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05935eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H; quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, thửa đất số 400, tờ bản đồ số 37, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05934eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H; nhà ở trên đất diện tích sàn 112m<sup>2</sup>, cấp 4A, kết cấu nhà: khung BTCT, nền vách gạch, mái tole, theo Giấy chứng nhận số 898833029201118 do UBND thành phố LX cấp ngày 01/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng HG ngày 25/10/2017.

+ Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thái Thanh Ph, bà Huỳnh Thị Mỹ H2, đối với quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, thửa đất số 399, tờ bản đồ số 37, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05935eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 02/11/2017 cho bà Nguyễn Thị B; quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, thửa đất số 400, tờ bản đồ số 37, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05934eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 02/11/2017 cho bà Nguyễn Thị B và nhà ở trên đất diện tích sàn 112m<sup>2</sup>, cấp 4A, kết cấu nhà: khung BTCT, nền vách gạch, mái tole, theo Giấy chứng nhận số 898833029201118 do UBND thành phố LX cấp ngày 01/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim H, được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX xác nhận nội dung thay đổi vào ngày 02/11/2017 cho bà Nguyễn Thị B. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 07/11/2018.

Ông A không tham gia ký kết và thực hiện 02 hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/10/2017 và ngày 07/11/2018. Mục đích ông yêu cầu tuyên bố 02 hợp đồng chuyển nhượng trên là vô hiệu để đảm bảo cho việc thi hành án cho ông.

- Bị đơn ông Nguyễn Thái Thanh Ph, bà Huỳnh Thị Mỹ H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại tờ tường trình ngày 01/7/2020:

Từ trước đến nay, ông, bà không biết gì về nhân thân bà Nguyễn Thị Kim H, chỉ biết bà Nguyễn Thị B và trực tiếp thiết lập mối quan hệ dân sự với bà Nguyễn Thị B thông qua các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được công chứng hợp pháp và có xác nhận tại trang 4 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố LX ngày 15/11/2018. Tài sản chuyển nhượng gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H.05934eA ngày 10/4/2009 thuộc tờ bản đồ số 37, thửa số 400, diện tích 56m<sup>2</sup>, đất ở tại đô thị.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 89883302920118 do UBND thành phố Long Xuyên cấp ngày 01/9/2019 gắn liền với thửa đất số 399 + 400, tờ bản đồ số 37, diện tích sàn 112m<sup>2</sup>, kết cấu nhà: khung BTCT nền vách gạch, mái tole, cấp 4A, số tầng 01, nhà đất tọa lạc tại phường MP, thành phố LX.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H.05935eA ngày 10/4/2009 thuộc tờ bản đồ số 37, thửa số 399, diện tích 56m<sup>2</sup>, đất ở tại đô thị tọa lạc phường MP, thành phố LX.

Hiện tại ông, bà đang ở và kinh doanh ổn định tại căn nhà gắn liền với thửa đất số 399 + 400. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Ân.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến của bà H, bà B đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/5/2021 đồng thời có văn bản trình bày ý kiến ngày 11/3/2021:

Theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; đăng ký hộ khẩu thường trú: k6, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang, ông Nguyễn Thái Thanh Ph, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm ĐT6, phường Mỹ Phước, thành phố LX, tỉnh An Giang và bà Huỳnh Thị Mỹ H2, sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang cùng các giấy tờ, tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu khác có liên quan đến giao dịch...) kèm theo.

Văn phòng công chứng T kiểm tra, đối chiếu thấy phù hợp quy định của pháp luật nên tiến hành theo trình tự các bước quy định của Luật công chứng, các văn bản của Chính phủ, của Bộ tư pháp, Bộ Tài nguyên – Môi trường và UBND tỉnh An Giang hướng dẫn thi hành Luật công chứng trên đại bàn tỉnh An Giang, đã công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị B với ông Nguyễn Thái Thanh Ph, bà Huỳnh Thị Mỹ H2 số 751/quyển số 6/TP-CC-SCC/HĐCN

ngày 07/11/2018 và đã được cơ quan thẩm quyền thành phố LX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thái Thanh Ph và bà Huỳnh Thị Mỹ H2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân thành phố LX đã xử:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, 122 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn A.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/6/2021 bị đơn ông Dương Văn A kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp xem xét lại toàn bộ vụ án;

#### **Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Nguyên đơn ông A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu ý kiến: Căn cứ vào quy định của pháp luật thì giao dịch của bà H là vi phạm pháp luật, lừa dối, nhằm tẩu táng tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông A; nên yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố vô hiệu hợp đồng giữa bà H và bà B lập ngày 25/10/2017 và hợp đồng chuyển nhượng giữa bà B với ông Thái Ph, bà H2 lập ngày 07/11/2018 là vô hiệu; về căn cứ yêu cầu này là toàn bộ nội dung trình bày thể hiện trong đơn kháng cáo của ông A ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;
- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; đề Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn ông Dương Văn A nộp đơn kháng cáo và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vắng mặt lần 2 không lý do, nhưng đã được triệu tập hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung;

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thống nhất thành phần Hội đồng xét xử tại phiên tòa;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông A và tại phiên tòa phúc thẩm ông A xác định chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố vô hiệu đối với các hợp đồng cụ thể sau:

[3.1] Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị B, định đoạt quyền sử dụng đất diện tích 56m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05935eA do UBND thành phố LX cấp ngày 10/4/2009 và nhà trên đất có diện tích sàn 112m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận số 011-18 do UBND thành phố LX cấp ngày 01/9/2009 được công chứng tại Văn phòng công chứng HG ngày 25/10/2017 vô hiệu;

[3.2] Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Bon với Nguyễn Thái Thanh Ph và Huỳnh Thị Mỹ H2 công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 07/11/2018 vô hiệu;

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, bà H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà B ngày 25/10/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng HG, là trước thời điểm Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông A với bà H, bà H1 và trước khi Bản án dân sự số 45/2018/DS-ST, ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX có hiệu lực.

Tài sản thuộc quyền sở hữu của bà H, không có tranh chấp, không bị kê biên thi hành án, không thể chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, nguồn gốc các tài sản không phải là tài sản hình thành từ khoản vay của ông A mà có, hợp đồng ký kết giữa bà H và bà B được Văn phòng công chứng HG công chứng đúng theo hình thức lẫn nội dung về trình tự, thủ tục đồng thời đã được sang tên chuyển quyền sử dụng đất từ bà H qua tên bà B.

Đến ngày 07/11/2018, bà B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thái Thanh Ph, bà Huỳnh Thị Mỹ H2, hiện nay ông Ph, bà H2 đã quản lý, sử dụng các tài sản trên. Việc các bên xác lập hợp đồng chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì bà B là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản nêu trên

nên có toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản này. Hợp đồng trên Văn phòng công chứng T công chứng đúng theo hình thức, lần nội dung về trình tự và thực hiện thủ tục sang tên chuyển quyền cho ông Ph, bà H2 đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Mục đích ông A yêu cầu là để đảm bảo cho việc thi hành Bản án số 45/2018/DS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX (Bản án có hiệu lực); Trong quyết định bản án tuyên buộc bà H, bà H1 trả cho ông A, ông S (con ông A) tổng số tiền 795.812.500 đồng (*trong đó nợ gốc 595.000.000 đồng, lãi 200.812.500 đồng*).

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự có nội dung *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...”*, việc ông A cho rằng các bị đơn thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như trên nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho ông là không có cơ sở xem xét; từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông A .

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A không cung cấp chứng cứ làm phát sinh căn cứ có giá trị pháp lý cho yêu cầu khởi kiện, cũng như nội dung kháng cáo của ông nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Án phí dân sự: Ông A là người cao tuổi, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Dương Văn A;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2021/DS-ST ngày 16/6/2021 của Toà án nhân dân thành phố LX đã xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn A.
- Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: ông Dương Văn A được miễn toàn bộ;
- Ông Dương Văn A được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 0000540 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC (1);
- VKSND.AG (1);
- TAND huyện (1);
- THA huyện (1);
- Tòa Dân sự (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV &THA (1);
- Đường sự “Đề thi hành”.
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn**